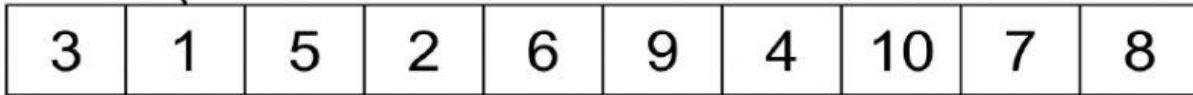
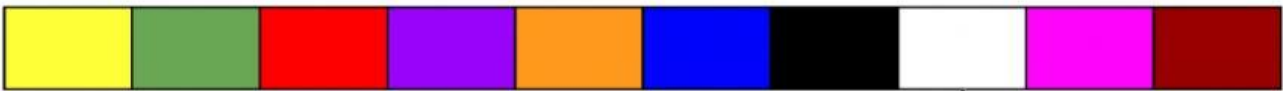


數字 Shùzì - Numbers

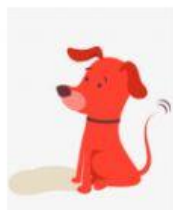


顏色 Yánsè - Colors



紅色 hóng sè	黃色 huáng sè	橙色 chéng sè	綠色 lǜ sè	藍色 lán sè	紫色 zǐ sè	黑色 hēi sè	白色 bái sè	咖啡色 kāfēi sè	粉紅色 fěnhóng sè
---------------	----------------	----------------	-------------	--------------	-------------	--------------	--------------	-----------------	-------------------

動物 dòngwù - Animals



大象 dà xiàng	小狗 xiǎo gǒu	小貓 xiǎo māo	小豬 xiǎo zhū	老虎 lǎo hǔ
----------------	----------------	----------------	----------------	--------------